

Số: 93 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc phân bổ dự toán chi NSNN năm 2024 cho các đơn vị dự toán trong toàn Ngành;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kinh phí thực hiện tinh giản biên chế cho các đơn vị dự toán trực thuộc trong ngành Kiểm sát nhân dân (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ nội dung dự toán chi ngân sách nhà nước được điều chỉnh Thủ trưởng các đơn vị thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch sử dụng ngân sách;
- Lưu: VP, C3 (VTh, P.KHNS, P.TC).

Phg 30b

**KT. VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Nguyễn Duy Giảng**

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TÍNH GIÁN BIÊN CHẾ  
ĐỢT II NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 93/QĐ-VKSTC ngày 25/07/2024 của Viện trưởng Viện  
kiểm sát nhân dân tối cao)*

**Loại 340-341**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị VKS</b>	<b>Số người</b>	<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>Điều chỉnh tăng</b>
<b>I</b>	<b>Văn phòng VKSND tối cao tại Hà Nội ( kinh phí của Ngành)</b>		<b>1.552.349.000</b>	
<b>II</b>	<b>Nghỉ hưu trước tuổi</b>	<b>6</b>		<b>1.552.349.000</b>
1	VKS tỉnh Hậu Giang	1		359.143.000
2	VKS tỉnh Lâm Đồng	2		502.811.000
3	VKS tỉnh Gia Lai	1		379.004.000
4	Văn Phòng VKSND Tối Cao tại Hà Nội	1		311.391.000
5	VKS tỉnh Nghệ An	1		0
<b>Tổng cộng</b>		<b>6</b>	<b>1.552.349.000</b>	<b>1.552.349.000</b>